

Tên:



Ngữ pháp HW:

Lớp: S6...

Đọc HW:

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 8: ENTERTAINMENT – GRAMMAR 1 & UNIT 7 GRAMMAR REVISION

A. THEORY

I. GRAMMAR

1. Participle adjective (Tính từ phân từ)

- Tính từ phân từ là các tính từ được tạo thành từ các động từ. Chúng thường sẽ có đuôi là “-ing” hoặc “-ed”. (Ví dụ như động từ “surprise” có thể tạo thành 2 tính từ phân từ “surprising” và “surprised”.)
- **Tính từ hiện tại phân từ (-ing)** được dùng để nói về người, vật, tình huống **gây nên cảm nhận, cảm giác** cho ai đó.

Ex: It was a **boring** class.

- **Tính từ quá khứ phân từ (-ed)** được dùng để nói ai **có cảm nhận, cảm giác** như thế nào.

Ex: He was **bored** during the class.

- Một số cặp tính từ phân từ phổ biến:

Tính từ hiện tại phân từ	Nghĩa	Tính từ quá khứ phân từ	Nghĩa
interesting	hấp dẫn	interested	quan tâm, hứng thú
frustrating	làm nản lòng	frustrated	bực bội, nản lòng
terrifying	đáng sợ	terrified	sợ hãi
tiring	làm mệt mỏi	tired	mệt mỏi
exciting	thú vị	excited	hào hứng
amazing	tuyệt vời	amazed	ngạc nhiên
embarrassing	đáng xấu hổ	embarrassed	lúng túng, xấu hổ
boring	nhạt nhẽo, nhàm chán	bored	chán chường
confusing	gây nhầm lẫn	confused	bối rối
surprising	đáng ngạc nhiên	surprised	ngạc nhiên
exhausting	làm kiệt sức	exhausted	kiệt sức
humiliating	làm nhục, làm xấu hổ	humiliated	xấu hổ, nhục nhã

2. Review: Past Continuous (Quá khứ tiếp diễn)

a. Cấu trúc:

Loại câu	Cấu trúc	Ví dụ
Khẳng định	S + was/were + V _{ing} .	She was planting trees at 4 p.m. yesterday.
Phủ định	S + wasn't/weren't + V _{ing} .	They weren't working for that company at that time.
Nghi vấn	Was/Were + S + V _{ing} ? ➤ Yes, S + was/were. ➤ No, S + wasn't/weren't.	Was he eating while I was studying ? – No, he was not.
Wh-question	Wh- + was/were + S + V _{ing} ?	Where was he studying at 8 p.m. yesterday?

b. Cách dùng:

- Diễn tả một hành động hoặc sự việc xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ.
Ví dụ: At **9 p.m yesterday**, my family **was watching** TV.
- Diễn tả hai hay nhiều hành động đang xảy ra đồng thời trong quá khứ.
Ví dụ: At **9 p.m yesterday**, I **was driving** while my brother **was singing**.
- Diễn tả một hoạt động đang diễn ra thì bất chợt có hành động khác xen vào.
Ví dụ: When Jane came, we **were having** dinner.

c. Dấu hiệu:

	Cách dùng	Cấu trúc	Ví dụ
While	Diễn tả hai hành động dài đang diễn ra đồng thời trong quá khứ	While + S + was/were + V-ing, S + was/were + V-ing	I was reading while he was sleeping.
	Diễn tả một hành động dài đang diễn ra thì một hành động ngắn xen vào (nhấn vào hành động dài)	While + S + was/were + V-ing, S + V2/ed	While we were talking, her baby cried.
When	Diễn tả hành động ngắn xảy ra , cắt ngang hành động dài	When + S + V2/ed, S + was/were + V-ing	When the phone rang, I was having a shower.
	Diễn tả hành động dài đang diễn ra thì hành động ngắn xen vào (nhấn vào hành động ngắn)	When + S + was/were + V-ing, S + V2/ed	When we were talking, John suddenly came in.

II. CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	investigation (n)	cuộc điều tra	4	professional (adj)	chuyên nghiệp
2	robbery (n)	vụ cướp	5	ingredients (n)	nguyên liệu
3	arrest (n)	sự bắt giữ	6	discuss (v)	thảo luận

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ.

B. CLASSWORK (11 questions)

I. Circle the correct answers.

- Moving to a new home is hard work. It's **tired** / **tiring**.
- He was **embarrassed** / **embarrassing** when he arrived late for class.
- There is a new movie playing at the theatre. Are you **interested** / **interesting**?
- My little brother makes too much noise. He is **annoyed** / **annoying**.
- I don't understand chess. The rules are very **confused** / **confusing**.

II. Fill in the blanks with the correct forms of the verbs given in the box. You may need to use the negative and interrogative forms.

pay	talk	watch	drive	cry	study
-----	------	-------	-------	-----	-------

- At 8 p.m. yesterday, we _____ TV when the lights suddenly went out.
- While she _____ English, her brother was playing video games.
- They _____ attention when the teacher asked the question, so they couldn't answer.
- _____ he _____ home when the accident happened?
- While we were having dinner, the baby _____.
- When the teacher came into the classroom, the students _____.

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần II. Cambridge Vocabulary 1 dòng vào vở ghi.

II. Circle the sentence that is grammatically correct.

1. A. The movie was very excited, so everyone stayed until the end.
B. The movie was very excite, so everyone stayed until the end.
C. The movie was very exciting, so everyone stayed until the end.
2. A. I was boring while the teacher was explaining the lesson.
B. I was bored while the teacher was explaining the lesson.
C. I was bore while the teacher was explaining the lesson.
3. A. While we were watching a terrified film, the lights suddenly went out.
B. While we were watching a terrifying film, the lights suddenly went out.
C. While we watched a terrifying film, the lights were going out.
4. A. When I came home, my parents were arguing about something serious.
B. When I was coming home, my parents argued about something serious.
C. When I came home, my parents were argue about something serious.
5. A. She felt embarrassing when she was giving her presentation.
B. She felt embarrassed when she was giving her presentation.
C. She was embarrassing when she gave her presentation.

III. Complete the sentences with the correct form of the verbs in brackets.

1. While I _____ (**walk**) home, I _____ (**see**) an accident.
2. They _____ (**not listen**) when the teacher _____ (**explain**) the rule.
3. When the phone _____ (**ring**), she _____ (**have**) a shower.
4. We _____ (**wait**) for the bus when it suddenly _____ (**start**) to rain.
5. Tom _____ (**break**) his leg while he _____ (**play**) football.

IV. Reorder the words/phrases to complete the sentences.

1. were / The instructions / confusing. / quite
→ _____
2. the school trip. / really / The children / excited about / were
→ _____
3. the good news / She / was / this morning. / surprised by
→ _____
4. this problem / feel / confused / I / about / completely / now.
→ _____
5. amazing. / was / performance / Her / absolutely
→ _____

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

I. PET Part 2**Part 2****Questions 6–10**

For each question, choose the correct answer.

The people below all want to watch something on TV.
On the opposite page there are descriptions of eight TV programmes.
Decide which programmes would be the most suitable for the people below.

6



Lorraine is having a day off work with a cold. She wants to watch a quiz show during the afternoon especially one with cash prizes.

7



Gary can't sleep and wants to see if there is anything on TV. He'd like to watch a film and enjoys crime thrillers or anything with lots of action.

8



Isabelle is babysitting a seven-year-old girl. She's looking for a children's programme that has anything to do with drawing or cooking so they can do it together.

9



Raj and his wife Grace are spending the evening at home and are keen to watch a film together. They would like to watch something romantic and not anything that's too long.

10



Robert has some friends coming round for the evening. He would like a programme showing live football that has experts discussing the game afterwards.

TV programmes

A Show Me How

In today's programme Gemma and her best friend Louise will show you how to make a delicious banana bread. Mums or dads should remember to get the ingredients ready so you can follow the friends' instructions during the show.

B The Big Chase

When the police start their investigation into a series of robberies, they expect to be making an early arrest. However, they are not prepared for the danger around every corner. A very exciting story that is sure to keep you on the edge of your seat. This week's late-night film starts at 12.30.

C Brain of Britain

On this week's quiz show for the very clever we have a taxi driver, a lawyer, a journalist and a gardener answering questions. The winner will go through to the final next month with the chance of being crowned Brain of Britain. See how many questions you can answer!

D Front Row

Join our team of experts as they discuss the draw for the next round of the FA Cup. Find out who will be playing who when they meet for the next round in two weeks' time. We'll have reporters out and about interviewing players on their opinions of the draw.

E 5-2-1

Join your host Sam Daniels as a team of friends from university try to answer questions on general knowledge and their favourite subjects. Can they win the top prize of £20,000? Join us just after the lunchtime news at 1.30.

F Molly and Me

In this week's programme Molly reads another story from a well-known children's author. For five- to eight-year-olds – sit together with your child and enjoy some quiet time as you follow the story with Molly and her friends.

G Last Summer

When Greg and Sandra meet on a coach journey to Athens, they quickly realise they have so much in common. They decide to spend the following two weeks together, fall in love and dream of a future together. However, life gets in the way. A short but very enjoyable 90-minute film.

H Midweek

In tonight's game you can see two teams both playing at their very best. The programme begins at 7.00 and the game starts at 7.30. Stay around after the match for views from our team of professional players and managers as they discuss the result and choose their man of the match.

II. Extra Reading

Read the text again and decide if the statements are True (T) or False (F).

1. The programme “5-2-1” offers viewers the chance to win a cash prize. → _____
2. “The Big Chase” is shown in the afternoon. → _____
3. “Show Me How” encourages families to prepare ingredients before the programme starts. → _____
4. The film “Last Summer” lasts more than two hours. → _____
5. “Midweek” includes expert discussion after the football match. → _____